SAO Y; VĂN PHÒNG; Thời gian ký: 17/01/2024 15:44:11 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /2024/QĐ-UBND	*Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 15 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 03/TTr-SNN ngày 05 tháng 01 năm 2024 về việc Ban hành Quy định về giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ NN&PTNT;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VB);
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTr.TU, TTr. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (kiểm tra văn bản);
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TTr – HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, SNNPTNT (.....b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2024

(Kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về giá bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng áp dụng phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu năm 2024 theo Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường.

2. Người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất và người sở hữu tài sản hợp pháp đối với cây trồng trên đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Nguyên tắc bồi thường

1. Các chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với cây trồng thì được bồi thường; các chủ sở hữu tài sản có cây trồng nêu trong Quy định này mà tại thời điểm canh tác đã bị chính quyền địa phương, cơ quan có thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm pháp luật hoặc không được phép canh tác; cây trồng được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì không được bồi thường.

2. Các chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất mà đất đó thuộc đối tượng không được bồi thường thì tùy trường hợp cụ thể, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng các huyện, thị xã, thành phố (*sau đây*

gọi tắt là Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện) có trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền xem xét hỗ trợ cây trồng theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Đối với các loại cây trồng trong chậu, bầu ươm thì không tính bồi thường; trường hợp phải di chuyển thì được bồi thường chi phí di chuyển và bồi thường thiệt hại (nếu có) do phải di chuyển gây ra.

4. Đối với cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại (nếu có) do phải di chuyển, phải trồng lại.

5. Đối với cây rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, cây rừng tự nhiên giao cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trồng, quản lý, chăm sóc, bảo vệ thì bồi thường theo giá trị thiệt hại thực tế của vườn cây; tiền bồi thường được phân chia cho người quản lý, chăm sóc, bảo vệ theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

6. Trong từng dự án cụ thể có những loại cây trồng không có trong Quy định này hoặc đối với một số cây trồng đơn lẻ, cây trồng có năng suất đặc biệt cao hoặc giá trị kinh tế lớn thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện căn cứ theo loài cây cùng nhóm, đặc điểm cây và giá trị kinh tế tương đương để đối chiếu mức bồi thường tại các Phụ lục đính kèm Quy định này để áp dụng tương đương cho phù hợp, trình Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phê duyệt *(sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện)*. Đối với trường hợp không thể áp được mức bồi thường tương đương thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện căn cứ quy định của pháp luật có liên quan về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tổ chức khảo sát giá thị trường, đề xuất phương án giá theo thực tế báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

7. Trường hợp giá cả các loại cây trồng, sản phẩm trồng trọt có biến động tăng hoặc giảm từ 20% trở lên so với mức bồi thường cây trồng cùng loại tại Quy định này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, đề xuất bằng văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung mức bồi thường cho phù hợp thực tế.

Chương II
BỒI THƯỜNG ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG

Điều 4. Bồi thường đối với cây trồng

1. Đối với cây hàng năm *(trừ cây hoa hàng năm).*

Mức bồi thường đối với cây hàng năm được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.

Mức bồi thường đối với cây hàng năm *(trừ cây hoa hàng năm)* theo Phụ lục I đính kèm Quy định này.

2. Đối với cây lâu năm (*trừ cây lâm nghiệp, cây hoa cảnh lâu năm*)

a) Mức bồi thường đối với cây lâu năm được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.

Mức bồi thường đối với với cây lâu năm (*trừ cây lâm nghiệp, cây hoa cảnh lâu năm*) theo Phụ lục II đính kèm Quy định này.

b) Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện có trách nhiệm phân loại cây trồng theo năm tuổi; giai đoạn thu hoạch: Phân loại A, B, C để áp giá phù hợp.

3. Cây hoa, cây cảnh trồng ngoài đất

a) Đối với cây hoa hàng năm: Mức bồi thường được tính bằng giá trị sản lượng của vụ thu hoạch. Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất, sản lượng cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng đó tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.

b) Đối với cây cảnh lâu năm: Mức bồi thường được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.

Mức bồi thường đối với cây hoa, cây cảnh trồng ngoài đất theo Phụ lục III đính kèm Quy định này.

c) Đối với các loại cây cảnh cổ thụ, cầu kỳ có giá trị đặc biệt cao thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện có phương án bồi thường cụ thể hoặc tổ chức thuê đơn vị tư vấn có chức năng để xác định phương án giá theo thực tế trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Đối với cây hoa, cây cảnh trồng trong chậu; cây trồng trong bầu ươm; cây trồng chưa thu hoạch nhưng có thể di chuyển đến địa điểm khác

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện căn cứ thực tế, xác định mức bồi thường chi phí di chuyển và mức bồi thường thiệt hại do phải di chuyển gây ra (nếu có) đối với cây trồng; chuyển cho phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và đơn vị chuyên môn cấp huyện thẩm định trước khi trình Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện xem xét và trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt mức bồi thường chi phí di chuyển và mức bồi thường thiệt hại do phải di chuyển gây ra.

5. Đối với cây lâm nghiệp

Mức bồi thường cây lâm nghiệp được tính bằng giá trị hiện có của vườn cây theo giá ở địa phương tại thời điểm thu hồi đất mà không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.

Mức bồi thường đối với cây lâm nghiệp *(cây trồng bằng vốn tự đầu tư của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)* theo Phụ lục IV đính kèm Quy định này.

Riêng đối với cây lâm nghiệp trồng trên đất rừng sản xuất, phòng hộ, đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân (rừng trồng bằng vốn ngân sách nhà nước, rừng tự nhiên) không thực hiện bồi thường theo đơn giá tại Phụ lục IV đính kèm Quy định này. Mức bồi thường theo định giá rừng được cấp thẩm quyền phê duyệt: Tuỳ vào từng dự án cụ thể khi thực hiện thu hồi, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, chủ dự án phải thực hiện công tác điều tra kiểm kê hiện trạng rừng, định giá rừng và lập báo cáo thuyết minh, bản đồ hiện trạng rừng đối với diện tích rừng thuộc phạm vi dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật lâm nghiệp và Thông tư số 32/2018/TTBNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định phương pháp định giá rừng, khung giá rừng.

Điều 5. Bồi thường cây trồng trên địa bàn huyện Côn Đảo

Mức bồi thường cây trồng được áp dụng bằng 1,8 lần so với mức bồi thường cây trồng quy định tại Quy định này *(trừ cây Sâm đất Côn Đảo)*. Riêng mức bồi thường trụ bám theo mức bồi thường trụ tiêu các loại được áp dụng theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá nhà, giá vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại thời điểm thu hồi đất.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Xử lý chuyển tiếp

Đối với những dự án, hạng mục dự án đã được phê duyệt phương án bồi thường hoặc đang chi trả bồi thường theo phương án bồi thường đã được phê duyệt trước khi Quy định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được duyệt, không áp dụng theo Quy định này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, triển khai thực hiện Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện xác định mức bồi thường, hỗ trợ cây trồng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn đúng theo Quy định này. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thường xuyên theo dõi diễn biến giá cả trên địa bàn để

tổng hợp, báo cáo, đề xuất điều chỉnh bổ sung mức bồi thường cây trồng cho phù hợp với tình hình thực tế.

b) Trường hợp trong quá trình kiểm kê vườn cây thực hiện công tác bồi thường, nếu nhận thấy có dấu hiệu bất thường về kỹ thuật canh tác như trồng xen hỗn tạp, trồng quá dày không đảm bảo quy trình sản xuất được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc không đảm bảo quy trình sản xuất, canh tác phổ biến thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Cơ quan chuyên môn căn cứ quy trình sản xuất được cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc quy trình sản xuất, canh tác phổ biến để xem xét, đánh giá tính toán, xác định phương án bồi thường cây trồng cho phù hợp.

3. Tổ kiểm đếm (có sự tham gia của chính quyền địa phương và chủ dự án) chịu trách nhiệm trong việc xác định số lượng, chủng loại, quy cách, chất lượng, quy mô của các loại tài sản thực tế có trên đất. Trường hợp Tổ kiểm đếm không xác định được hoặc không có sự thống nhất giữa Tổ kiểm đếm và chủ tài sản được kiểm kê thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có tài sản bị thu hồi chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn cấp huyện chịu trách nhiệm xác định cho phù hợp quy định của ngành chuyên môn. Các kết quả kiểm kê, phúc tra ngoài việc lập biên bản còn phải lập thành danh sách, biểu bảng có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã để niêm yết (theo danh sách từng hộ) tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và tại địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất thu hồi.

4. Người sở hữu tài sản là cây trồng bị giải tỏa, thu hồi có trách nhiệm bảo quản tài sản theo hiện trạng tại thời điểm lập biên bản kiểm kê cho đến khi nhận tiền bồi thường. Trường hợp chủ tài sản có nhu cầu phải thay đổi hiện trạng đã kiểm kê do phải di chuyển đến nơi ở khác thì Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có đất thu hồi) xác nhận.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận các trường hợp theo quy định tại khoản 4 Điều này. Ủy ban nhân dân cấp xã phải báo ngay bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện và chủ dự án để xem xét, xử lý.

6. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm báo cáo và đề xuất giải pháp gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I

MỨC GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY HÀNG NĂM NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2024/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

STT	Cây trồng	Đơn vị tính	Đơn giá
1	Lúa	Đồng/m^2	5.669
2	Bắp lai	Đồng/m^2	5.267
3	Bắp nếp	Đồng/m^2	7.800
4	Mỳ cao sản	Đồng/m^2	7.500
5	Khoai lang	Đồng/m^2	9.000
6	Khoai môn, củ từ, bình tinh, khoai mỡ,	Đồng/m^2	36.000
7	Đậu nành	Đồng/m^2	8.983
8	Đậu phộng	Đồng/m^2	7.350
9	Đậu xanh	Đồng/m^2	5.000
10	Đậu trắng	Đồng/m^2	6.833
11	Đậu đen	Đồng/m^2	6.600
12	Mè	Đồng/m^2	7.200
13	Ớt	Đồng/m^2	15.750
14	Cà chua	Đồng/m^2	13.700
15	Khổ qua	Đồng/m^2	11.300
16	Bắp cải, súp lơ, su hào	Đồng/m^2	10.200
17	Bí đao, bí đỏ	Đồng/m^2	21.000
18	Mướp, bầu	Đồng/m^2	21.750
19	Dưa leo	Đồng/m^2	19.704
20	Dưa hấu, dưa gang	Đồng/m^2	13.000
21	Cà tím	Đồng/m^2	27.000
22	Cà pháo	Đồng/m^2	30.150
23	Rau đay	Đồng/m^2	15.000
24	Rau dền	Đồng/m^2	20.800
25	Cải (bẹ xanh, cải ngọt, cải thìa, cải ngồng,…)	Đồng/m^2	29.475
26	Xà lách	Đồng/m^2	25.000
27	Mồng tơi	Đồng/m^2	26.800
28	Rau má	Đồng/m^2	39.833
29	Rau đắng, rau nhút	Đồng/m^2	27.500
30	Rau muống, rau lang, cần nước	Đồng/m^2	12.600
31	Bồ ngót	Đồng/m^2	19.125
32	Hành lá	Đồng/m^2	40.149
33	Hẹ	Đồng/m^2	16.453
34	Nhóm rau thơm (húng cây, húng lủi, tía tô, kinh giới, ngò rí, thì là,...)	Đồng/m^2	25.200

35	Đậu đũa	Đồng/m^2	10.617
36	Đâu côve	Đồng/m^2	9.120
37	Đậu rồng	Đồng/m^2	12.500
38	Đậu bắp	Đồng/m^2	23.700
39	Nha đam	Đồng/m^2	9.200
40	Dây thiên lý (trồng giàn)	Đồng/m^2	48.000
41	Gừng	Đồng/m^2	16.100
42	Nghệ, riềng	Đồng/m^2	10.000
43	Súng	Đồng/m^2	12.000
44	Sen lấy hạt	Đồng/m^2	34.552
45	Sen lấy củ	Đồng/m^2	30.000
46	Dứa	Đồng/m^2	10.000
47	Sả lấy củ	Đồng/m^2	25.000
48	Cây khoai mài	Đồng/m^2	175.000
49	Mía	Đồng/m^2	7.500
50	Sương sâm	Đồng/m^2	170.667
51	Cỏ thức ăn chăn nuôi	Đồng/m^2	7.000
52	Măng tây	Đồng/m^2	70.000
53	Sâm đất (huyện Côn Đảo)	Đồng/m^2	92.000
54	Lá lốt	Đồng/m^2	9.200
55	Lá gai	Đồng/m^2	10.400
56	Lá giang	Đồng/m^2	10.000
57	Cây bạc hà (dọc mùng)	Đồng/m^2	12.000
58	Ngải cứu	Đồng/m^2	12.000
59	Sắn dây	Đồng/m^2	23.500
60	Cây chuối *(Chiều cao cây chuối được đo tại chân tàu lá tươi thấp nhất trên cây)*		
-	Cây mới trồng	Đồng/cây	33.000
-	Cây trong bụi cao từ 1m trở xuống	Đồng/cây	4.000
-	Cây trong bụi cao trên 1m, chưa trổ buồng	Đồng/cây	32.000
-	Cây đang trổ buồng	Đồng/cây	100.000
61	Cây đu đủ		
-	Cây mới trồng	Đồng/cây	35.000
-	Cây giai đoạn thu hoạch:		
	Cây loại C (năng suất <20 kg trái/cây/vụ)	Đồng/cây	90.000
	Cây loại B (20 kg trái/cây/vụ ≤ năng suất <30 kg trái/cây/vụ)	Đồng/cây	120.000
	Cây loại A (năng suất ≥30 kg trái/cây/vụ)	Đồng/cây	170.000